TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Ông Phan Công Văn.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 440/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Bá T, sinh năm 1998; cư trú: số nhà D, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông T vắng mặt có đơn; bà B vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo ông Phạm Bá T trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân của ông bà là tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó liên tục phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cụ thể, khi dịch Covid-19 diễn ra, ông và bà B đang làm việc tại Bình Dương tốn rất nhiều tiền, gặp khó khăn nên ông khuyên bà B nên về quê chồng ở Thanh Hóa để sống và kiếm việc làm để ổn định nhưng bà B không đồng ý, bà cho rằng quê ông T sống còn khó khăn hơn nên xảy ra mâu thuẫn, cự cải liên tục. Khoảng cuối năm 2021, nhận thấy không thể chung sống được nữa nên bà B bỏ về nhà mẹ ruột ở P, A và ly thân ông cho đến nay.

Nhiều lần ông tìm cách hàn gắn như điện thoại, nhắn tin hoặc tìm đến tận nơi nhưng bà B vẫn giữ thái độ và yêu cầu ông làm thủ tục để ly hôn, gia đình hai bên không hàn gắn để vợ chồng ông bà tự quyết định. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên ông xin ly hôn với bà B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 (một) con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2019, hiện đang sống cùng bà B. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý cho bà B được tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà B. Đồng thời, ông xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà B theo quy định nhưng bà vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông T, bà B để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an xã P thể hiện bà B hiện cư trú tại xã P, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Tòa án có đến địa chỉ bà B hiện đang sinh sống tại khu dân cư ấp P, xã P để xác minh tình trạng hôn nhân nhưng người nhà bà B từ chối cung cấp.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bà B đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông T chung sống với bà B đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bà B hiện có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông T và bà B xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 18/7/2019 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông T vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà B. Tại phiên hòa giải, ông T yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với bà B. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà đã phát phát sinh trong thời gian dài từ năm 2021 đến nay nhưng cả hai không

có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Ông T cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bà B không đồng ý về quê chồng sinh sống nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã. C sống không hạnh phúc nên bà B về nhà mẹ ruột sống và ly thân ông T. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 (ba) con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2019, hiện nay con chung đang sống chung với bà B. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý cho bà B được tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy, con chung từ khi ông bà ly thân hiện sống ổn định với bà B, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu Y. Quan trọng hơn, cháu Y là con gái rất cần sự gần gũi, chăm sóc từ mẹ, ông T không có nguyện vọng nuôi con chung nên theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà B vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này bà B có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá T.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Bá T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2019, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Phạm Bá T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009162 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông T đã nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2024) thời hạn kháng cáo của ông T và bà B được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.